TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST Ngày 25/7/2023 V/v hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hà và ông Hoàng Văn Tuấn.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023:

- **Nguyên đơn:** Chị Hà Thị Thu H, sinh năm 19xx;

  Nơi cư trú: , huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

  Nơi tạm trú: , huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Anh Tạ Ngọc Đ, sinh năm 1977; Địa chỉ: huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị H và anh Đ đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hà Thị Thu H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tạ Ngọc Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã (nay là xã H), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 04/8/2008. Quá trình chung sống vợ chồng chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống do tính tình không hợp, anh Đ chơi bời, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn căng thẳng, chị đã bỏ đi không chung sống cùng anh khoảng từ năm 2012, 2013. Vợ chồng ly thân đã lâu, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Ngọc Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Tạ Minh Đ, sinh ngày 27/4/2009 và Tạ Minh H1, sinh ngày 06/5/2012. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng anh Đ, chị đề nghị để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ mỗi con 1.000.000 đồng/tháng, hai con là 2.000.000 đồng/tháng, đến khi mỗi con đủ 18 tuổi, hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Tạ Ngọc Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận việc quá trình kết hôn như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến 19/5/2013 thì mẫu thuẫn do chị H đi làm ăn không quan tâm đến chồng con. Anh chị đã sống ly thân 10 năm nay anh xác định vợ chồng không thể về chung sống nhưng không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày và đồng ý với chị H về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh chị còn nợ bà Vũ Thị T, sinh năm 1956; Địa chỉ: , quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Năm 2010 vợ chồng anh có vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) của bà T, thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng/tháng, vay không có thời hạn, hẹn đến năm 2015 – 2016 trả nhưng đến thời gian đó anh chưa có tiền để trả tiền gốc, thời gian đầu anh có trả tiền lãi cho bà T nhưng sau này anh không có tiền để trả lãi. Năm 2016 do giấy vay tiền bị cũ quá nên bà T đã bảo anh đã viết lại giấy vay nợ cho bà T với nội dung: Tạ Ngọc Đ có vay bà của bà Vũ Thị T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để làm ăn kinh doanh. Vợ chồng anh vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) của bà T để làm ăn kinh doanh cửa hàng bún nhưng đến năm 2013 sau khi sinh con thứ 2 không có ai chăm con nên vợ chồng anh nghỉ bán bún. Số tiền vay của bà T vợ chồng anh đã chi tiêu cho gia đình hết. Anh xác định đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số nợ này, anh và chị Hiền mỗi người phải chịu ½ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Nếu chị H đồng ý trả nợ thì anh đồng ý ly hôn.

Bà Vũ Thị T có đơn yêu cầu độc lập về việc giải quyết nợ, Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ngày 04/5/2023 và triệu tập bà T đến tòa án ngày 19/5/2023 nhưng bà T không nộp tạm ứng án phí, không có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và không đến Tòa án trình bày quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Hà Thị Thu H được ly hôn anh Tạ Ngọc Đ; Về quan hệ con chung: Giao cho anh Tạ Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Tạ Minh Đ, sinh ngày 27/4/2009 và Tạ Minh H1, sinh ngày 06/5/2012. Ghi nhận việc chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000 đồng/01 con/ 01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đ trình bày vợ chồng có nợ chung bà Vũ Thị T số tiền 100.000.000 đồng từ năm 2010 đến nay chưa trả và yêu cầu Tòa chia đôi số tiền nợ của bà T yêu cầu chị H có trách nhiệm trả một nửa. Chị H trình bày số tiền trên nợ bà T là anh Đ mượn để ăn chơi không liên quan đến chị lên chị H không chịu trách nhiệm. Bà Vũ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tiến hành làm việc. Bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nợ giữa bà và anh Đ, chị H. Tòa án đã ra thông báo nộp tạm ứng án phí cho bà T nhưng quá thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo là ngày 04/5/2023 bà T không nộp tiền tạm ứng án phí, không có đơn miễn nộp tạm ứng án phí nên Tòa án nhân nhân dân huyện Thái Thụy đã thông báo trả lại đơn khởi kiện trên đối với bà T. Bà T có quyền khởi kiện Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Tạ Ngọc Đ đang cư trú tại xã Hòa An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Thu H và anh Tạ Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã (Nay là xã H), huyện Thái Thụy vào ngày 04/8/2008. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và bất đồng trong công việc, nơi cư trú. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly

hôn. Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị H và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Đ và chị H có hai con chung là Tạ Minh Đ, sinh ngày 27/4/2009 và Tạ Minh H1, sinh ngày 06/5/2012. Ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyện vọng của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu Đức và cháu Hiếu. Vì vậy cần giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên tòa anh Đ đồng ý với việc chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000 đồng/ 01 con/ 01 tháng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị H.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh Đ và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đ khai vợ chồng anh chị còn nợ bà Vũ Thị Thuận số tiền 100.000.000 đồng, Sau khi anh Đ cung cấp thông tin khoản nợ, Tòa án đã thông báo cho bà T biết, bà T đã gửi đơn yêu cầu giải quyết nợ về tòa án nhân dân huyện Thái Thụy nhưng bà T không nộp tạm ứng án phí, không có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và không đến Tòa án để trình bày nên Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã trả lại đơn cho bà T, không đưa bà T vào tham gia tố tụng. Khi nào bà T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân gia đình và cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Thu H ly hôn anh Tạ Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Tạ Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Tạ Minh Đ, sinh ngày 27/4/2009 và Tạ Minh H1, sinh ngày 06/5/2012. Chị Hà Thị Thu H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền là 1.000.000 đồng/tháng/01 con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung

đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị Thu H và anh Tạ Ngọc Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Hà Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004333 ngày 13/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Thu H và anh Tạ Ngọc Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/7/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã H.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**